**TIẾNG VIỆT**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU : TỪ ĐỒNG NGHĨA (1 tiết)**

**Tiết 6**

**Ngày dạy: 12/9/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Hiểu được thế nào là từ đồng nghĩa, nhận ra các từ đồng nghĩa trong đoạn văn. Biết đặt câu với từ đồng nghĩa.

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết thảo luận nhóm để sắp xếp các từ vào nhóm phù hợp theo yêu cầu của đề bài); NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: chỉ ra từ đồng nghĩa; đặt câu với từ đồng nghĩa).

**-** Phát triển PC chăm chỉ, trách nhiệm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên**

- Một số tranh ảnh, video liên quan đến bài học.

**2.Học sinh :**

-SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 5* (NXB ĐHSP TPHCM) hoặc từ điển tiếng Việt; *Vở bài tập* *Tiếng Việt 5*, tập một hoặc vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | **HĐBT** |
| **1.Hoạt động Mở đầu ( 5’)** |  |  |
| **- Khởi động:** Tổ chức cả lớp hát và vận động một số động tác theo bài hát: Em yêu trường em  - **Giới thiệu bài:** GV nêu yêu cầu cần đạt của bài học | HS hát và vận động một số động tác theo bài hát: Em yêu trường em |  |
| **2.Hoạt động Hình thành kiến thức ( 10’)** |  |  |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về từ đồng nghĩa**  – GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.  – GV cho HS chơi trò chơi hái quả bằng cách dùng chuột lôi quả từ trên cây vào từng nhóm có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.  - GV: Các từ trong cùng một nhóm như trên là những từ đồng nghĩa. Trong nhiều trường hợp, người ta có thể sử dụng các từ này thay thế cho nhau. Ví dụ: *Tổ quốc tôi rất đẹp*. 🡪 *Đất nước tôi rất đẹp*.  **Hoạt động 2: Đặt câu với từ đồng nghĩa**  - GV cho học sinh đọc yêu cầu bài tập 2.  - GV hỏi: 2 từ *cho* và *biếu* đồng nghĩ với nhau, có phải lúc nào khi nói, viết, ta cũng có thể thay thế chúng cho nhau được không?  - GV đặt câu hỏi giúp HS rút ra bài học: Qua hai bài tập vừa rồi, các em hiểu từ đồng nghĩa là gì? Cần lưu ý gì khi sử dụng từ đồng nghĩa?    - GV nhận xét và chiếu nội dung bài học. Cho vài HS nhắc lại. | - Học sinh đọc yêu cầu của bài tập.  - Thực hiện hoạt động theo hướng dẫn của giáo viên.  + Nhóm 1: *nước nhà,* *non sông, giang sơn, đất nước, Tổ quốc.*  + Nhóm 2: *tàu hoả, xe lửa.*  + Nhóm 3: *xinh, đẹp, xinh xắn.*  + Nhóm 4: *cho, biếu.*  *(Thứ tự các nhóm có thể thay đổi)*  - Một vài học sinh đặt thử câu với các từ có nghĩa giống nhau vừa tìm được.  - HS đọc: Đặt một câu với động từ cho, một câu với động từ biếu. Rút ra nhận xét về cách dùng mỗi từ đó.  - Học sinh làm việc cá nhân, đặt 2 câu theo yêu cầu bài tập. Đọc câu mình viết cho bạn bên canh và giải thích cho bạn tại sao trong câu lại sử dụng từ ***cho*** / ***biếu***.  - Cho một số học sinh chia sẻ trước lớp bài làm của mình. |  |
| **3.Hoạt động Luyện tập, thực hành ( 15’)** |  | |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm bài 1**  - GV cho học sinh đọc yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi để tìm ra các từ đồng nghĩa với các từ đã cho trong bài tập.  - GV nhận xét; hướng dẫn HS sửa BT (nếu cần).  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm bài 2**  - GV cho học sinh làm việc nhóm 4, làm BT trên phiếu học tập. Sắp xếp để vài nhóm làm vào phiếu khổ lớn.  - Cho HS báo cáo kết quả (các nhóm làm trên phiếu khổ lớn sẽ dán bài lên bảng). Lớp nhận xét. Giáo viên chốt lại kết quả đúng  - GV hỏi:  + Có thể đổi chỗ các từ *đeo, xách, vác, khiêng* không?  *+* Có thể thay các từ mới tìm được bằng từ *mang* không?  - GV: Như vậy, có những từ có nghĩa giống nhau nhưng không thay thế cho nhau được. Khi dùng những từ này, ta cần cân nhắc để lựa chọn được từ phù hợp. | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập; cả lớp đọc thầm theo. BT1: *Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ: học trò, siêng năng, giỏi****.***  - HS làm việc nhóm đôi thực hiện yêu cầu của bài tập.  - Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp. Các nhóm khác nêu ý kiến.  - HS làm việc nhóm 4 với phiếu bài tập. Sau đó 2-3 nhóm báo cáo ết quả bằng phiếu trên bảng.  - Không, vì bên cạnh nét nghĩa giống nhau, các từ trên còn có những nét nghĩa khác nhau. VD, không thể nói *Bạn Thư điệu đà* ***khiêng*** *túi đàn ghi ta...* vì khiêng cần có 2 người.  - Nếu thay thế như vậy, người đọc vẫn hiểu, nhưng từ *mang* sẽ lặp lại nhiều lần và không thể hiện rõ các bạn di chuyển đối tượng bằng cách nào, làm cho đoạn văn không còn hay nữa. - Học sinh nhắc lại nội dung bài học. |  |
| **4.Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm ( 5’)** |  | |
| - GV hỏi: Bài học hôm nay giúp các em biết được điều gì?  - Điều đó giúp em việc gì?  **\* Củng cố - dặn dò**  - GV hệ thống kiến thức bài học  - Học sinh về nhà tìm thêm những từ đồng nghĩa để chia sẻ trước lớp vào tiết sau. | HS: - Biết các từ có nghĩa giống nhau gọi là từ đồng nghĩa. Trông một số trường hợp các từ này có thể thay thế cho nhau trong câu văn, một số trường hợp khác thì không. Hiểu biết đó giúp em lựa chọn từ đúng trong nói và viết. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………….